CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hà Nội, tháng năm 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 198, phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Liên	Chủ tịch
Ông Phan Đại Thành	Uỷ viên
Ông Trần Viết Nguyên	Uỷ viên
Ông Edwin Harald Burchardt	Uỷ viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Uỷ viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Đại Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày tháng năm 2011

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (04) 3577 0781/Fax: (04) 3577 0787
www.vaco.com.vn; info@vaco.com.vn

Số: 052 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo của kiểm toán viên có số 81/AP-KT đề ngày 18/01/2010, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

S.Đ.K.K.D: 0102032732-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày tháng năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**1.750.941.960.737**	**623.384.910.466**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**110.086.101.585**	**98.143.523.722**
1. Tiền	111		5.086.101.585	7.243.956.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.000.000.000	90.899.567.274
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**30.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	-	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**171.947.974.745**	**460.724.123.419**
1. Phải thu khách hàng	131		160.439.566.749	458.284.866.716
2. Trả trước cho người bán	132		11.142.295.566	619.826.183
3. Các khoản phải thu khác	135		366.112.430	1.819.430.520
IV. Hàng tồn kho	**140**	**6**	**1.334.090.039.224**	**33.826.191.850**
1. Hàng tồn kho	141		1.334.090.039.224	33.826.191.850
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**134.817.845.183**	**691.071.475**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.352.274	30.843.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		133.916.689.325	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		886.803.584	660.227.725
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	**200**		**38.706.647.163**	**11.501.550.890**
I. Tài sản cố định	**220**		**8.556.048.437**	**5.415.050.794**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	8.515.467.210	5.364.947.836
- Nguyên giá	*222*		*11.791.759.665*	*6.687.975.889*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(3.276.292.455)*	*(1.323.028.053)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		40.581.227	50.102.958
- Nguyên giá	*228*		*153.117.750*	*112.717.750*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(112.536.523)*	*(62.614.792)*
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**5.040.000.000**	**5.040.000.000**
1. Đầu tư dài hạn khác	258	8	5.040.000.000	5.040.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**25.110.598.726**	**1.046.500.096**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	25.084.998.726	1.036.500.096
2. Tài sản dài hạn khác	268		25.600.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.789.648.607.900**	**634.886.461.356**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**1.625.484.029.978**	**506.801.653.884**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.625.356.618.912**	**506.720.204.974**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	6.850.000.000	19.789.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.591.443.083.554	442.508.809.245
3. Người mua trả tiền trước	313		4.829.191.718	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	8.670.136.931	34.998.254.156
5. Phải trả người lao động	315		2.523.270.105	2.915.207.457
6. Chi phí phải trả	316		173.401.464	853.830.754
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	10.699.772.392	5.655.103.362
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		167.762.748	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**127.411.066**	**81.448.910**
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		127.411.066	81.448.910
B. NGUỒN VỐN (400=410)	**400**	**13**	**164.164.577.922**	**128.084.807.472**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**164.164.577.922**	**128.084.807.472**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	113.825.630.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(15.647.096.304)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.435.157.747	91.674.172
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		717.578.874	45.837.086
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.658.937.605	14.121.666.214
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**1.789.648.607.900**	**634.886.461.356**

M.S.D.N: 0102560459 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày tháng năm 2011

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	**14**	**839.155.333.649**	**1.123.475.843.983**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		839.155.333.649	1.123.475.843.983
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	792.002.867.615	1.099.177.057.214
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**47.152.466.034**	**24.298.786.769**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	12.856.223.500	10.503.910.071
6. Chi phí tài chính	22	17	200.646.362	11.431
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*200.646.362*	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.688.401.063	18.492.005.701
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**37.119.642.109**	**16.310.679.708**
9. Thu nhập khác	31		165.272.719	16.181.812
10. Chi phí khác	32		362.116.379	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(196.843.660)**	**16.181.812**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**36.922.798.449**	**16.326.861.520**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	9.285.678.704	2.892.025.766
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**27.637.119.745**	**13.434.835.754**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.911	1.180

M.S.D.N: 0102560459 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Q. THANH XUÂN - T. HÀ NỘI

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày tháng năm 2011

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	*1*		***36.922.798.449***	***16.326.861.520***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	2		2.003.186.133	927.038.309
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(15.647.096.304)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(12.856.117.867)	(9.808.045.567)
Chi phí lãi vay	6		200.646.362	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*8*		***10.623.416.773***	***7.445.854.262***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		154.223.350.157	(358.574.153.548)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.300.263.847.374)	(33.565.142.982)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.119.065.941.466	362.820.007.652
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(24.032.007.154)	1.424.855.776
Tiền lãi vay đã trả	13		(200.646.362)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.113.432.142)	(421.634.678)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		25.600.000	887.962.412
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.079.717.073)	(92.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		***(47.751.341.709)***	***(20.074.651.106)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.134.183.776)	(730.693.846)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(495.539.257.189)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		532.822.074.898	90.899.567.274
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(25.939.567.274)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.497.784.534	8.169.262.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		***44.646.418.467***	***72.398.568.235***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		36.174.370.000	648.330.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16.823.119.669	19.789.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(29.757.125.224)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.192.863.340)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		***15.047.501.105***	***20.437.330.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**11.942.577.863**	**72.761.247.129**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**98.143.523.722**	**25.382.276.593**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**110.086.101.585**	**98.143.523.722**

M.S.D.N: 0102560459 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày tháng năm 2011

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 0103021005 ngày 27/11/2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 2 (bao gồm thay đổi mã số doanh nghiệp là 0102560459) ngày 13/10/2010.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh là 150.000.000.000 đồng, tương ứng với 15 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty đăng ký tại 198 Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Văn phòng giao dịch tại Tầng 3-C7, toàn nhà Constrexim 8, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và các Chi nhánh:

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại số 25-27 Đường số 1, Cư xã Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Cà Mau tại xã Khánh Xã, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi nhánh Nhơn Trạch tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Ngành, nghề kinh doanh

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: Bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho nhành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hành Công ty kinh doanh;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được lập trên cở sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại Hà Nội, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Cà Mau và Chi nhánh Nhơn Trạch sau khi loại trừ các giao dịch và số dư nội bộ (nếu có).

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010 Số năm
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý, giá mua của các phần mềm mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được lập khi Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó và có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 tăng 15.647.096.304 VND và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 31/12/2010, Công ty không có tài sản cũng như công nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị tài sản và công nợ ghi sổ được trình bày trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập có thể được sử dụng trong tương lai.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	2.590.967.371	1.210.301.876
Tiền gửi ngân hàng	2.495.134.214	6.033.654.572
Các khoản tương đương tiền	105.000.000.000	90.899.567.274
Cộng	**110.086.101.585**	**98.143.523.722**

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 thể hiện giá trị Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2009/HĐTG-PVPS ngày 22/8/2009 với giá trị 30 tỷ đồng theo kỳ hạn 6 tháng và lãi suất 8,3%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.315.538.920	4.280.281.797
Công cụ, dụng cụ	569.881.216	959.355.646
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.298.204.619.088	28.586.554.407
Cộng	1.334.090.039.224	33.826.191.850
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	**1.334.090.039.224**	**33.826.191.850**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 31/12/2009	169.666.666	2.987.491.222	3.530.818.001	6.687.975.889
Tăng trong năm	1.938.751.573	880.536.022	2.284.496.181	5.103.783.776
Tại ngày 31/12/2010	2.108.418.239	3.868.027.244	5.815.314.182	11.791.759.665
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 31/12/2009	3.551.395	710.554.770	608.921.888	1.323.028.053
Khấu hao trong năm	475.837.001	1.003.987.050	473.440.351	1.953.264.402
Tại ngày 31/12/2010	479.388.396	1.714.541.820	1.082.362.239	3.276.292.455
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	**166.115.271**	**2.276.936.452**	**2.921.896.113**	**5.364.947.836**
Tại ngày 31/12/2009	**1.629.029.843**	**2.153.485.424**	**4.732.951.943**	**8.515.467.210**

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Giá trị đầu tư dài hạn khác là giá trị vốn góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí (PV Tech) với số tiền 5.040.000.000 đồng, tương ứng với 504.000 cổ phần và chiếm 14% vốn điều lệ.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	105.510.418
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	623.908.933
Chi phí dài hạn khác (i)	25.084.998.726	307.080.745
Cộng	**25.084.998.726**	**1.036.500.096**

Ghi chú: (i) Chi phí trả trước dài hạn khác tại ngày 31/12/2010 bao gồm số tiền thuê nhà Công ty đã thanh toán trước với giá trị 24,4 tỷ đồng cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên theo hợp đồng thuê số 19/HĐTVP/HH3 ký ngày 21/6/2010.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.850.000.000	19.789.000.000
Cộng	**6.850.000.000**	**19.789.000.000**

Vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010 thể hiện giá trị của các hợp đồng vay ngắn hạn tại các Ngân hàng:

- Hợp đồng tín dụng số 1404/HĐTD/NH-PN/TCB ký ngày 30/12/2010 với số tiền 4.750.000.000 đồng theo lãi suất 15,5%/năm và kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.
- Hợp đồng tín dụng số 1411/HĐTD/NH-PN/TCB ký ngày 31/12/2010 với số tiền 2.100.000.000 đồng theo lãi suất 15,5%/năm và kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	-	30.702.975.534
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.251.242.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.064.272.328	2.892.025.766
Thuế thu nhập cá nhân	605.864.603	152.010.729
Cộng	**8.670.136.931**	**34.998.254.156**

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	332.974.552	283.337.447
Bảo hiểm xã hội	-	83.135
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.126.820	-
Các khoản phải trả, phả nộp khác	10.356.971.259	5.371.682.780
Bảo hiểm thất nghiệp	1.699.761	-
Cộng	**10.699.772.392**	**5.655.103.362**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND		VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	113.177.300.000	-	-	-	916.741.718
Tăng vốn trong năm	648.330.000	-	-		-
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	91.674.172	45.837.086	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.434.835.754
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	229.911.258
Số dư tại ngày 01/01/2010	**113.825.630.000**	**-**	**91.674.172**	**45.837.086**	**14.121.666.214**
Tăng vốn trong năm	36.174.370.000	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.637.119.745
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	1.343.483.575	671.741.788	-
Giảm do trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	3.357.983.111
Chênh lệch tỷ giá tại 31/12/2010	-	15.647.096.304	-	-	-
Chia cổ tức, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	10.741.865.243
Số dư tại ngày 31/12/2010	**150.000.000.000**	**(15.647.096.304)**	**1.435.157.747**	**717.578.874**	**27.658.937.605**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 số 31/NQ/ĐHCĐ-DVKT ngày 29/01/2010 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, tổng các quỹ được trích lập là 3.358.709 nghìn đồng, lợi nhuận chia cổ tức là 10.076.126 nghìn đồng (8,8%).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn đăng ký theo Giấy CNĐKKD		Vốn thực tế góp			
			31/12/2010		31/12/2009	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty TNHH một thành viên-Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	76.500.000.000	60,63	81.675.000.000	54,45	76.500.000.000	67,21
YTL Power Service Sdn.Bhd	27.000.000.000	21,40	27.000.000.000	18,00	27.000.000.000	23,72
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ (CFTD)	3.300.000.000	2,62	17.325.000.000	11,55	3.300.000.000	2,90
Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF	-	-	3.162.732.330	2,11	2.400.000.000	2,11
Ngân hàng Đại Dương	-	-	12.000.000.000	8,00	-	-
Cổ đông khác	19.374.000.000	15,35	8.837.267.670	5,89	4.625.630.000	4,06
Tổng cộng	**126.174.000.000**	**100**	**150.000.000.000**	**100**	**113.825.630.000**	**100**

Vốn theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 13/10/2010 thì vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng, trong đó các cổ đông sáng lập của Công ty góp 126.174.000.000 đồng.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2010	31/12/2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	11.382.563
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	11.382.563
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	11.382.563
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	11.382.563
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	11.382.563
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	*10.000*	*10.000*

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	839.155.333.649	1.123.475.843.983
	839.155.333.649	1.123.475.843.983
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**839.155.333.649**	**1.123.475.843.983**

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	792.002.867.615	1.099.177.057.214
Cộng	**792.002.867.615**	**1.099.177.057.214**

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.856.117.867	9.808.045.567
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	695.864.504
Doanh thu hoạt động tài chính khác	105.633	-
Cộng	**12.856.223.500**	**10.503.910.071**

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	200.646.362	-
Chi phí tài chính khác	-	11.431
Cộng	**200.646.362**	**11.431**

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	36.922.798.449	16.326.861.520
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	219.916.366	199.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	219.916.366	199.000.000
Thu nhập chịu thuế	37.142.714.815	16.525.861.520
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.285.678.704	4.131.465.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(1.239.439.614)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**9.285.678.704**	**2.892.025.766**

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm kết thúc 31/12/2010	Năm kết thúc 31/12/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	11.382.563	11.317.730
Số lượng CP phát hành thêm	3.617.437	64.833
Số ngày lưu hành trong kỳ	311	365
Tổng số ngày	365	365
Số lượng CP lưu hành bình quân	14.464.818	11.382.563
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	**1.911**	**1.180**

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Bán hàng	-	-
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	863.162.378.859	1.106.474.609.965
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	50.740.066.171	1.825.965.642
Mua hàng	-	-
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	1.425.215.000
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	2.717.229.481
	-	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	160.439.566.749	449.082.297.742
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	4.840.032.912	-

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lương	1.279.787.325	-
Tiền thưởng	340.130.114	-
Các khoản phúc lợi khác	-	-
Cộng	**1.619.917.439**	**-**

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm Công ty có các hợp đồng thuê văn phòng làm việc tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 1.499.461.649 đồng.

22. CAM KẾT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng số 0811-O&M-CM-008/ĐLDKCM-PVPS ngày 28/11/2008 ký giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) về gói thầu: Cung cấp vật tư, phụ tùng và dịch vụ kỹ thuật phục vụ để thực hiện toàn bộ công tác sửa chữa, bảo trì nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 trong 100.000 EOH đầu tiên, Giá trị hợp đồng là 544.667.880.384 VND và 371.810.785 EURO (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Thời hạn thực hiện hợp đồng là 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

- Hợp đồng số HĐ 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04/8/2010 ký giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) về việc: Bảo trì, sửa chữa nhà máy điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 EOH đầu tiên, Giá trị hợp đồng là 508.067.920.553 VND và 115.104.610 EURO (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Thời gian thực hiện hợp đồng là 14 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Một số số liệu được trình bày lại cho phù hợp với mục đích so sánh của năm nay.

M.S.D.N: 0102560459 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phan Đại Thành
Tổng Giám đốc

Tô Ngọc Tuyết
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày tháng năm 2011